TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/DS-ST
Ngày: 05/5/2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Ngọc Tiến.

2/ Bà Đỗ Thị A.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái - Phường 14 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", thụ lý số 31/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/HPT- DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q.

Người đại diện pháp luật: Ông V - Tổng giám đốc.

Trụ sở: Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: T - giấy ủy quyền số: 023842.23, ngày 07/3/2023 - (có mặt).

Địa chỉ: Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà N, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đào Duy Từ, Phường 05, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng Q, các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0020.HDTD.VIB828.17 ngày 24/03/2017 Ngân hàng Q đã cho bà N vay số tiền 200,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 29/03/2017 đến ngày 29/03/2022; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 18%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc và lãi hàng tháng số tiền là 5,078,685 đồng vào ngày 29, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 29/4/2017. Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng Q từng thời kỳ.

Ngày 29/03/2017 Ngân hàng Q đã giải ngân cho bà N theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0020.KUNN.828.17 với số tiền 200,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Tính đến ngày 05/05/2023, bà N đã thanh toán được số tiền: 30,490,802 đồng (trong đó: nợ gốc: 12,565,724 đồng; nợ lãi: 17,925,078 đồng)

- Căn cứ Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/12/2016 của bà N. Ngân hàng Q đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N, chi tiết như sau: Số thẻ 5128240000416162, loại thẻ: Thẻ tín dụng V Gold, ngày cấp 06/01/2017, Hạn mức thẻ: 15,000,000 đồng; hiệu lực thẻ đến: ngày 31/01/2020; lãi suất, phí: Theo biểu phí và Điều khoản điều kiện V Gold từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N có thanh toán cho Ngân hàng Q được một số tiền vốn gốc và lãi; sau đó bà N vi phạm điều khoản thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng không tiếp tục thực hiện trả vốn và lãi. Vì vậy, khoản vay của bà N đã quá hạn thanh toán từ ngày 03/12/2018.

Tạm tính đến ngày 05/05/2023, bà N còn nợ Ngân hàng Q số tiền là: 502,062,915 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười lăm đồng), cụ thể:

1/ Hợp đồng tín dụng số: 0020.HDTD.828.17

- Nợ gốc: 187.434.275 đồng.

- Nợ Lãi: 34.129.030 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 227.597.737 đồng.

- Phí phạt chậm trả/Phí: 21.784.676 đồng.

Tổng: 470.945.718 đồng.

2/ Thẻ Tín dụng số: 5128240000416162

- Nợ gốc: 13.744.966 đồng.

- Nợ Lãi: 0 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 12.831.764 đồng.

- Phí phạt chậm trả/Phí: 4.540.467 đồng.

Tổng: 31.117.197 đồng.

Ngân hàng Q yêu cầu bà N phải thanh toán ngay, dứt điểm cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 05/05/2023 là: 502.062.915 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười lăm đồng). Bà N tiếp tục phải thanh toán tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 06/05/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký .

Bị đơn bà N đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng Q và bà N ký Hợp đồng tín dụng để bà Hiếu vay tiền tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng Q có giấy ủy quyền cho bà T đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của bà T.

Bị đơn- bà N, sinh năm 1972 có địa chỉ tại: Đào Duy Từ, Phường 05, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo xác minh của công an Phường 05, Quận

10 thì bà N có hộ khẩu thường trú tại đây, nhưng đã bán nhà từ năm 2002, hiện nay đang cư ngụ tại: chung cư Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng theo kết quả xác minh của Công an Phường 7, Quận 11 thì: tại chung cư Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh không có đương sự N cư trú. Vì vậy xác định địa chỉ tại: Đào Duy Từ, Phường 05, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà N. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0020.HDTD.VIB828.17 ngày 24/03/2017 Ngân hàng Q đã cho bà N vay số tiền 200,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 29/03/2017 đến ngày 29/03/2022; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 18%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc và lãi hàng tháng số tiền là 5,078,685 đồng vào ngày 29, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 29/4/2017. Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng Q từng thời kỳ.

Ngày 29/03/2017 Ngân hàng Q đã giải ngân cho bà N theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0020.KUNN.828.17 với số tiền 200,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Tính đến ngày 05/05/2023, bà N đã thanh toán được số tiền: 30,490,802 đồng (trong đó: nợ gốc: 12,565,724 đồng; nợ lãi: 17,925,078 đồng)

- Căn cứ Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/12/2016 của bà N. Ngân hàng Q đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N, chi tiết như sau: Số thẻ 5128240000416162, loại thẻ: Thẻ tín dụng V Gold, ngày cấp 06/01/2017, Hạn mức thẻ: 15,000,000 đồng; hiệu lực thẻ đến: ngày 31/01/2020; lãi suất, phí: Theo biểu phí và Điều khoản điều kiện V Gold từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N có thanh toán cho Ngân hàng Q được một số tiền vốn gốc và lãi; sau đó bà N vi phạm điều khoản thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng không tiếp tục thực hiện trả vốn và lãi. Vì vậy, khoản vay của bà N đã quá hạn thanh toán từ ngày 03/12/2018.

Tạm tính đến ngày 05/05/2023, bà N còn nợ Ngân hàng Q số tiền là: 502,062,915 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười lăm đồng), cụ thể:

1/ Hợp đồng tín dụng số: 0020.HDTD.828.17

- Nợ gốc: 187.434.275 đồng.

- Nợ Lãi: 34.129.030 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 227.597.737 đồng.

- Phí phạt chậm trả/Phí: 21.784.676 đồng.

Tổng: 470.945.718 đồng.

2/ Thẻ Tín dụng số: 5128240000416162

- Nợ gốc: 13.744.966 đồng.

- Nợ Lãi: 0 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 12.831.764 đồng.

- Phí phạt chậm trả/Phí: 4.540.467 đồng.

Tổng: 31.117.197 đồng.

Ngân hàng Q yêu cầu bà N phải thanh toán ngay, dứt điểm cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 05/05/2023 là: 502.062.915 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười lăm đồng). Bà N tiếp tục phải thanh toán tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 06/05/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký .

[2.4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng Q yêu cầu tòa án xét xử, buộc bà N thanh toán ngay, toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/5/2023 số tiền là: 502.062.915 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười lăm đồng). Bà N tiếp tục phải thanh toán tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 06/05/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký; là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà N phải thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng Q số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 05/5/2023 số tiền là: 502.062.915 (Năm trăm lẻ hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm mười lăm) đồng. Bà N tiếp tục phải thanh toán tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 06/05/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký.

Án phí dân sự sơ thẩm: 24.082.516 (hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm mười sáu) đồng, bà N chịu.

Ngân hàng Q không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 9.379.227 đồng cho Ngân hàng Q, theo biên lai thu số AA/2021/0018125 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại tòa. Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự vắng mặt tại tòa nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn